

**UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **667**/STNMT-KHTC

Điện Biên, ngày 21 tháng 8 năm 2018

V/v tham gia ý kiến về Dự thảo Quyết định ban hành Danh mục tài sản chưa đủ tiêu chuẩn quy định là tài sản cố định đặc thù; danh mục thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên.

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Điện Biên.

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Công văn số 1261/STC-QLCS ngày 15/8/2018 của Sở Tài chính tỉnh Điện Biên về việc tham gia ý kiến về Dự thảo Quyết định ban hành Danh mục tài sản chưa đủ tiêu chuẩn quy định là tài sản cố định đặc thù; danh mục thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên.

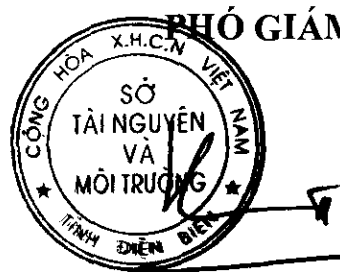
Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Quyết định và danh mục kèm theo quy định thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định, tài sản đặc thu và tài sản vô hình, Sở Tài nguyên và Môi trường nhất trí với dự thảo Quyết định ban hành Danh mục tài sản chưa đủ tiêu chuẩn quy định là tài sản cố định đặc thù; danh mục thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên.

Trên đây là ý kiến tham gia của Sở Tài nguyên và Môi trường gửi về Sở Tài chính tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, KHTC. *e*

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Phan Hiền**

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN  
**SỞ TÀI CHÍNH**  
Số: **1261**/STC-QLCS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Điện Biên, ngày 15 tháng 8 năm 2018

V/v tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định ban hành Danh mục tài sản chưa đủ tiêu chuẩn quy định là tài sản cố định; danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên.

Kính gửi: - Các Sở, Ban, Ngành, đoàn thể tỉnh  
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ Tài chính Quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước. Sở Tài chính đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quyết định số 29/2017/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 Quyết định Ban hành Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn đối với tài sản cố định đặc thù; tài sản cố định vô hình; Danh mục và giá quy ước tài sản cố định đặc biệt trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên. Tuy nhiên, ngày 07 tháng 5 năm 2018 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 45/2018/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thay thế thông tư 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ Tài chính.

Căn cứ Quy định Khoản 3 Điều 3; Khoản 2 Điều 5; Khoản 2 Điều 14 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Để giúp các cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có hiệu quả và thống nhất; Sở Tài chính “Dự thảo” Quyết định Ban hành Danh mục tài sản chưa đủ tiêu chuẩn quy định là tài sản cố định; danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên (Có Dự thảo Quyết định kèm theo).

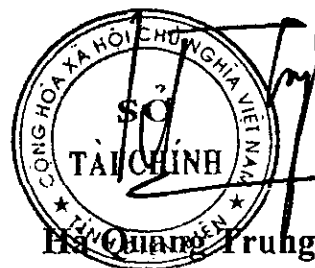
Sở Tài chính đề nghị cơ quan, đơn vị quan tâm và có ý kiến tham gia về Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 8 năm 2018.

Sở Tài chính mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của đơn vị. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, QLCS.

GIÁM ĐỐC



Số: /2018/QĐ-UBND  
“Dự thảo”

Điện Biên, ngày tháng năm 2018

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Danh mục tài sản chưa đủ tiêu chuẩn quy định là tài sản cố định; danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH 13 ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 Hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định Danh mục tài sản chưa đủ tiêu chuẩn quy định là tài sản cố định; danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2018 và thay thế Quyết định số 29/2017/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn đối với tài sản cố định đặc thù; tài sản cố định vô hình; Danh mục và giá quy ước tài sản cố định đặc biệt trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận***

- Như điều 3;
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Báo Điện Biên phủ;
- Lưu: VT, ....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

## **QUY ĐỊNH**

**Ban hành Danh mục tài sản chưa đủ tiêu chuẩn quy định là tài sản cố định; danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2018/QĐ-UBND ngày tháng năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)*

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về danh mục tài sản chưa đủ tiêu chuẩn quy định là tài sản cố định; danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan đảng cộng sản Việt Nam, các tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên.

Các tài sản cố định khác không nằm trong phạm vi điều chỉnh của quyết định này thực hiện theo Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tài sản cố định tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội.
2. Tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

### **Điều 3. Tài sản chưa đủ tiêu chuẩn quy định là tài sản cố định**

1. Tiêu chuẩn nhận biết tài sản chưa đủ tiêu chuẩn quy định là tài sản cố định được quy định tại điểm a, điểm b Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính.

2. Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định

*(Có phụ lục số 01 kèm theo)*

### **Điều 4. Tài sản cố định đặc thù**

1. Tiêu chuẩn nhận biết Tài sản cố định đặc thù quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính.

2. Danh mục tài sản cố định đặc thù

*(Có phụ lục số 02 kèm theo)*

#### **Điều 5. Tài sản cố định vô hình**

1. Tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định vô hình được quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính.

2. Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình

*(Có phụ lục số 03 kèm theo)*

#### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng tài sản cố định căn cứ các nội dung quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính và Quyết định này, thực hiện tính hao mòn, ghi sổ kế toán, theo dõi và quản lý tài sản theo đúng quy định.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**PHỤ LỤC SỐ 01**

**DANH MỤC, THỜI GIAN SỬ DỤNG VÀ TỶ LỆ TÍNH HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

*(Kèm theo Quyết định số ngày tháng năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên)*

STT	Danh mục	Thời gian sử dụng (năm)	Tỷ lệ hao mòn (% /năm)
<b>Loại 1</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>		
<b>1</b>	<b>Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến và phục vụ chung của cơ quan tổ chức đơn vị</b>		
	- Máy vi tính để bàn	5	20
	- Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	5	20
	- Máy in	5	20
	- Máy Fax	5	20
	- Tủ đựng tài liệu		
	- Máy scan		
	- Máy hủy tài liệu	5	20
	- Bộ bàn ghế ngồi làm việc	8	12,5
	- Bộ bàn ghế tiếp khách	8	12,5
	- Máy điều hòa không khí	8	12,5
	- Quạt	5	20
	- Máy sưởi	5	20
	- Máy chiếu các loại	5	20
	- Thiết bị lọc nước	5	20
	- Máy hút âm, hút bụi	5	20
	- Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	5	20
	- Máy ghi âm	5	20
	- Máy ảnh	5	20
	- Thiết bị âm thanh	5	20
	- Tổng đài điện thoại, máy bộ đàm	5	20
	- Thiết bị thông tin liên lạc khác	5	20
	- Tủ lạnh, máy làm mát	5	20
	- Máy giặt	5	20
	- Thiết bị mạng, truyền thông	5	20
	- Thiết bị điện văn phòng	5	20
	- Thiết bị điện tử phục vụ quản lý, lưu trữ dữ liệu	5	20
	- Thiết bị truyền dẫn	5	20
	- Camera giám sát	8	12,5
	- Máy bơm nước	8	12,5
	- Két sắt	8	12,5
	- Bàn ghế hội trường	8	12,5
	- Tủ, giá kệ đựng tài liệu hoặc trưng bày hiện vật	8	12,5
	- Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung khác	8	12,5
<b>2</b>	<b>Máy móc, thiết bị chuyên dùng</b>		



STT	Danh mục	Thời gian sử dụng (năm)	Tỷ lệ hao mòn (% /năm)
	- Máy móc thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động cung cấp dịch công thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo	10	10
	- Máy móc, thiết bị chuyên dùng là máy móc thiết bị cùng loại với máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến có yêu cầu về tính năng, dung lượng, cấu hình cao hơn máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến thì quy định thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn như quy định tại điểm 1 Loại 1 Phụ lục này		
	- Máy móc, thiết bị khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị	10	10
3	Máy móc, thiết bị khác	8	12,5
Loại 2	Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm		
	- Các loại súc vật.	8	12,5
	- Cây lâu năm, vườn cây lâu năm, vườn cây công nghiệp, vườn cây ăn quả	25	4
	- Thảm cỏ, thảm cây xanh, cây cảnh, vườn cây cảnh.	8	12,5
Loại 3	Trang thiết bị dễ hỏng, dễ vỡ (thủy tinh, gốm, sành, sứ.....)	5	20 ✓
Loại 4	Tài sản cố định khác	8	12,5

## PHỤ LỤC SỐ 02

## QUY ĐỊNH DANH MỤC TÀI SẢN CÓ ĐỊNH ĐẶC THÙ

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên)

STT	Danh mục
<b>Loại 1</b>	<b>Tài sản đặc biệt trong lĩnh vực Văn hóa vật thể</b>
<b>I</b>	<b>Di tích cấp quốc gia</b>
1	Hang Mường Tịch
2	Thành Bản Phủ
3	Tháp Mường Luân
4	Động Pa Thơm
5	Thành Sam Mứn
6	Tháp Chiềng Sơ
7	Hang động Khó Chua La
8	Hang động Chua Ta
9	Hang động Há Chớ
10	Hang Thẩm Khương
11	Hang động Xá Nhè
<b>II</b>	<b>Di tích cấp tỉnh</b>
1	Di tích Pú Nhung
2	Di tích dân quân Thanh An bắn rơi máy bay Mỹ
3	Công trình Đại thủy nông Nậm Rốm
4	Di tích nhà tù Lai Châu
5	Hang động Mùn Chung
6	Thành vàng Lông
<b>Loại 2</b>	<b>Hiện vật, cổ vật trưng bày trong Bảo tàng tỉnh</b>
	<b>Trống đồng loại H2</b>
1	Trống đồng Noong Luông
2	Trống đồng Mường Đẳng
3	Trống đồng Na Luông
4	Trống đồng Pe Luông
5	Trống đồng Na luông
6	Trống đồng Nà Sáy
7	Trống đồng Chiềng Chung
8	Trống đồng Na Luông 1
9	Trống đồng Na Luông 2
10	Trống đồng Pom Ban
11	Trống đồng Na Luông
12	Trống đồng Co Sáng 2

STT	Danh mục
13	Trống đồng Nà Hý 2
14	Trống đồng Nà Hý 3
	<b>Trống đồng loại H3</b>
15	Trống đồng Noong Luông
16	Trống đồng U va
17	Trống đồng Bản Liêng
18	Trống đồng Phiêng Quái
19	Trống đồng Mường Ảng
20	Trống đồng Co Sáng 1a
21	Trống đồng Co Sáng
22	Trống đồng Mường Ảng PB số 10
23	Trống đồng Mường Ảng PB số 12
24	Trống đồng Co Sáng 1
25	Trống đồng Pá Ban số 2
26	Trống đồng Pá Ban số 3
27	Trống đồng Pá Ban số 4
28	Trống đồng Pá Ban số 5
29	Trống đồng Pá Ban số 6
30	Trống đồng Nà Hý 1
31	Trống đồng Pá Nậm A
32	Trống đồng Nhôm Khao
33	Trống đồng Chiềng Nưa
34	Trống đồng Pá Ngam 1
	<b>Trống đồng loại H4</b>
35	Trống đồng Na Ngum
36	Trống đồng Mường Lay
37	Trống đồng Pá Ban số 1
38	Trống đồng Him Lam
	<b>Trang phục dân tộc</b>
39	Trang phục dân tộc Thái
40	Trang phục dân tộc Mông
41	Trang phục dân tộc Dao
42	Trang phục dân tộc Khơ Mú
43	Trang phục dân tộc Hà Nhi
44	Trang phục dân tộc Lào
45	Trang phục dân tộc Cống
46	Trang phục dân tộc Phù Lá
47	Trang phục dân tộc Si La
48	Trang phục dân tộc Giáy
49	Trang phục dân tộc Tày

STT	Danh mục
50	Trang phục dân tộc Nùng
51	Trang phục dân tộc Xinh Mun
52	Trang phục dân tộc Mảng
53	Trang phục dân tộc Kháng
54	Trang phục dân tộc Pú Là
55	Trang phục dân tộc Lự
56	Trang phục dân tộc Sán Chi
57	Trang phục dân tộc Xạ Phang
	<b>Hiện vật kháng chiến</b>
58	Súng ngắn Bò rao ning
59	Súng lục có ổ quay
60	Súng AR 15
61	Súng M79
62	Súng K50
63	Súng CKC
64	Súng Sten
65	Súng lục môde số 716096
66	Súng trường Mỹ số 293377
67	Súng trường 7 ly 9 số 38925
68	Súng trường Anh số 8213
69	Súng trường MAS số 294694
70	Súng trường Mỹ số 302578
71	Tiểu liên tuyn số 15898
72	Tiểu liên Tôn Sơn số 357869
73	Trung liên MAS số 31371
74	Súng săn Mỹ số 17810
75	Súng trung liên B Zen nô số 38472
76	Súng tiểu liên MAS số 39398
77	Súng trường Mỹ số 211675
78	Súng CKC
79	Súng săn của Mỹ
80	Súng trung liên
81	Súng đại liên
82	Súng B40
83	Súng trung liên (1716012)
84	Súng B41 (603895)
85	Súng các bin
86	Súng săn dân tộc Hà Nhi
87	Súng săn dân tộc Mông
88	Súng kíp dân tộc Dao
89	Máy đàm thoại HT1

STT	Danh mục
90	Ông nhòm
91	Bom bi
92	Bom bướm bướm
93	Bom Mỹ
94	Cát tút + đầu đạn
95	Đạn + cát tút
	<b>Hiện vật thời kỳ đổi mới</b>
96	Bát yêu
97	Đĩa sứ trắng men
98	Điếu bát
99	Bát tô lan
100	Bát con
101	Máy tễ ngô
102	Máy tuốt lúa
	<b>Hiện vật Đèo Văn Long</b>
103	Áo lễ phục
104	Mặt gối rồng
105	Bức thêu sa tanh
106	Câu đối
107	Lọng có tua
108	Lọng không tua
	<b>Hiện vật khác</b>
109	Thân tượng đồng
110	Đầu tượng đồng
111	Đầu tượng đồng
112	Phù điêu bằng chì
113	Gạch chữ nhật L1
114	Gạch chữ nhật L2
115	Mảnh gạch chữ nhật L2
116	Gạch chữ nhật L4
117	Vòng cổ bạc
118	Ấm bạc
119	Ấu bạc
120	Tượng quan âm
121	Gạc hươu (chiếc)
122	Ngà voi (chiếc)
123	Tượng tín ngưỡng dân tộc Lào (Đồ thờ cúng)
124	Tượng phật
125	Triện đồng
126	Súng Pa chay
127	Con hạc (Đồ thờ Hoàng Công Chất)

STT	Danh mục
128	Chuông đồng (Đồ thờ Hoàng Công Chất)
129	Bát hương (Đồ thờ Hoàng Công Chất)
130	Cọc nền (Đồ thờ Hoàng Công Chất)
131	Đài đồng (Đồ thờ Hoàng Công Chất)
132	Lư hương (Đồ thờ Hoàng Công Chất)
133	Tượng bụt ốc
134	Lư hương (Đồ thờ Hoàng Công Chất)
135	Súng thần công
136	Súng mèo cỏ
137	Bát con
138	Tượng (Đồ thờ Hoàng Công Chất)
139	Vạc đồng
140	Nồi đồng
141	Chuông đồng thị xã Lai Châu (Mường Lay)
142	Thạp men nâu
143	Hũ sành
144	Bát sành thời Trần
145	Bát sành thời Lê
146	Bát gốm (thời Trần)
147	Bát gốm (thời Hậu Lê)
148	Đĩa sứ tráng men ( thời Lê)
149	Chũm chọe
150	Liễn gốm tráng men
151	Bát con (Thời Lê)
152	Bát tô (Thời Lê)
153	Ang (Thời Lê)
154	Tượng Nà Tăm
<b>Loại 3</b>	<b>Hiện vật trưng bày tại Bảo tàng chiến thắng Lịch sử Điện Biên Phủ và các di tích lịch sử</b>
1	Súng trung niên 24-29mm
2	Súng tiểu liên K50
3	Súng tiểu liên Tuyn
4	Súng ngắn col 12
5	Súng Bazoka
6	Đĩa bàn- la bàn
7	Súng Stóc

STT	Danh mục
8	Súng trọng liên Mas
9	Súng trọng liên 12,7mm
10	Đinh hương
11	Nòng súng cối 120mm
12	Thân súng ĐKZ
13	Máy ảnh
14	Ghế xếp
15	Súng cối 60mm
16	Ghế sắt
17	Lưỡi mác
18	Pháo 155mm
19	Càng pháo 155mm
20	Chân đế càng pháo 155mm
21	Xác xe cơ giới
22	Cối xay cà phê
23	Bình súng phun lửa
24	Bộ quần áo lính pháp
25	Vạc
26	Ống nhôm
27	Bom phá
28	Bàn sắt
29	Xe cút kít
30	Lốp ô tô
31	Nhíp ô tô
32	Son pháo 75mm
33	Hỏa tiễn H6
34	Xe tăng
35	Súng trọng liên 4 nòng
36	Máy điểm hỏa + cuộn dây điện

STT	Danh mục
37	Bồn tắm
38	Máy phát điện
39	Nòng pháo 155mm
40	Bàn làm việc
41	Giường quay thông tin
42	Súng các bin
43	Súng tiểu liên Tuyn
44	Súng trường
45	Cối xay
46	Súng phóng lựu
47	Máy in rô ni ô
48	Bình phun lửa
49	Càng pháo
50	Súng Sten
51	Dao díp
52	Bộ quần áo bộ đội
53	Pháo cao xạ 37 mm
54	Áo Dạ
55	Khung giường sắt
56	Dù
57	Vỏ bình rượu
58	Máy đánh chữ
59	Dụng cụ phẫu thuật
60	Khung cáng thương
61	Súng cối 60



## PHỤ LỤC SỐ 03

## QUY ĐỊNH THỜI GIAN SỬ DỤNG VÀ TỶ LỆ HAO MÒN TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên)

	Danh mục	Thời gian sử dụng (năm)	Tỷ lệ hao mòn (% / năm)
<b>Loại 1</b>	<b>Quyền tác giả</b>		
	- Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa	50	2
	- Tác phẩm sân khấu, điện ảnh	50	2
	- Tác phẩm âm nhạc	50	2
	- Tác phẩm báo chí	50	2
	- Tác phẩm tạo hình, mỹ thuật	50	2
	- Tác phẩm nhiếp ảnh	50	2
	- Quyền tác giả khác	50	2
<b>Loại 2</b>	<b>Quyền sở hữu công nghiệp</b>		
	- Bằng sáng chế	20	5
	- Nhãn hiệu	10	10
	- Kiểu dáng công nghiệp	15	6,67
	- Khác	10	10
<b>Loại 3</b>	<b>Quyền đối với giống cây trồng</b>		
	- Bằng bảo hộ giống cây thân gỗ	25	4
	- Bằng bảo hộ giống cây trồng khác	20	5
<b>Loại 4</b>	<b>Phần mềm ứng dụng</b>		
	- Phần mềm kế toán	5	20
	- Cơ sở dữ liệu	5	20
	- Phần mềm tin học văn phòng	5	20
	- Các phần mềm ứng dụng khác	5	20